SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Biểu 01

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QỦA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014
CỦA CÁC DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC THUỘC UBND THÀNH PHỐ

ĐVT: triệu đồng

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Các khoản giảm trừ doanh thu		**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**		Giá vốn hàng bán	
		Mã số 01		Mã số 02		**Mã số 10**		Mã số 11	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	37,741,607	49,867,939	2,046,915	2,979,913	35,694,691	46,888,026	33,220,127	44,116,934
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	341,887	342,568	-	-	341,887	342,568	277,383	272,551
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	330,548	717,111	-	415	330,548	716,696	241,432	509,261
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	3,797,587	2,877,771	-	-	3,797,587	2,877,771	3,497,233	2,683,871
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	2,359,635	2,096,046	-	-	2,359,635	2,096,046	1,366,725	1,203,598
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	5,138,139	7,476,013	1,928,036	2,892,970	3,210,102	4,583,043	2,875,697	4,055,862
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	1,105,844	1,023,336	9,954	16,709	1,095,890	1,006,627	965,825	856,780
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	1,168,211	1,100,942	7,798	7,913	1,160,413	1,093,029	999,259	968,841
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	291,769	303,550	646	3,060	291,123	300,490	239,664	250,143
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	4,964,251	4,039,578	41,803	4,360	4,922,448	4,035,218	4,636,771	3,742,381
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	1,825,631	1,822,768	28,668	25,675	1,796,963	1,797,093	1,109,551	1,088,656
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	170,156	227,770	-	-	170,156	227,770	94,074	155,505
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	87,707	105,859	-	29	87,707	105,830	73,692	85,745
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	302,433	228,267	2,533	4,268	299,900	223,999	288,562	214,174
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	16,037,669	27,667,774	12,751	21,879	16,024,918	27,645,895	15,912,801	27,464,679
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	17,373	14,973	-	-	17,373	14,973	10,446	1,767
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	2,162,402	1,919,659	14,726	2,635	2,147,676	1,917,024	1,997,737	1,766,718
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	-	-	-	-	-	-	-	-
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	6,726,739	8,036,832	66,866	70,558	6,659,873	7,966,274	5,727,187	7,030,326
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	33,831	30,732	-	-	33,831	30,732	1,274	1,221
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	16,034	20,994	-	-	16,034	20,994	3,774	
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	698,476	895,950	61	2,144	698,415	893,806	660,886	848,852
21	Công ty TNHH MTV 27-7	166,929	161,809	36,931	31,483	129,998	130,326	114,767	116,274
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	102,382	89,816	-	-	102,382	89,816	100,875	88,115
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	34,845	29,419	-	-	34,845	29,419	35,231	31,291

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Các khoản giảm trừ doanh thu		**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**		Giá vốn hàng bán	
		Mã số 01		Mã số 02		**Mã số 10**		Mã số 11	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**	Số cuối năm	Số đầu năm
24	**Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung**	179,904	168,639	-	-	179,904	168,639	154,398	147,094
25	**Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao**	183,307	163,904	-	-	183,307	163,904	164,673	146,300
26	**Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài**	122,138	122,233	149	173	121,989	122,060	16,209	11,396
27	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2**	311,632	377,964	-	-	311,632	377,964	263,429	333,407
28	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4**	336,073	1,468,876	-	-	336,073	1,468,876	193,957	1,384,460
29	**Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5**	139,443	224,264	-	-	139,443	224,264	124,206	191,821
30	**Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận**	165,441	150,086	-	-	165,441	150,086	141,635	126,190
31	**Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn**	66,676	112,443	-	-	66,676	112,443	96,626	99,353
32	**Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh**	333,413	345,886	1,447	1,049	331,966	344,837	297,467	309,869
33	**Cty TNHH MTV Thóat nước Đô thị**	510,717	517,555	-	-	510,717	517,555	439,119	431,972
34	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1**	147,541	152,740	-	-	147,541	152,740	126,795	130,456
35	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3**	93,853	151,444	6,815	8,282	87,038	143,162	66,921	120,460
36	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6**	85,921	93,576	-	-	85,921	93,576	71,051	72,127
37	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7**	150,698	149,653	-	-	150,698	149,653	137,213	136,196
38	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8**	139,104	123,641	2,916	1,122	136,188	122,519	104,938	100,207
39	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10**	111,399	74,016	-	-	111,399	74,016	96,856	62,842
40	**Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè**	120,592	103,251	74	2,332	120,518	100,919	108,874	87,653
41	**Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp**	137,741	143,202	-	-	137,741	143,202	118,004	123,430
42	**Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh**	115,734	105,083	-	12	115,734	105,071	104,812	94,441
43	**Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn**	55,740	52,893	-	-	55,740	52,893	46,267	42,025
44	**Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình**	264,763	233,578	-	-	264,763	233,578	245,772	222,430
45	**Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11**	102,947	98,320	-	-	102,947	98,320	94,479	86,775
46	**Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12**	92,589	89,596	-	-	92,589	89,596	73,581	75,091
47	**Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức**	81,139	79,619	-	-	81,139	79,619	70,253	67,500
48	**Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh**	151,724	159,691	18,384	23,918	133,340	135,773	117,974	121,736
49	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9**	79,916	74,098	-	-	79,916	74,098	64,841	62,002
50	**Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ**	55,450	37,691	-	-	55,450	37,691	42,364	31,800
51	**Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi**	47,167	65,037	89	43	47,078	64,994	37,591	47,551
52	**Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị**	1,291,480	1,169,133	-	-	1,291,480	1,169,133	1,190,075	1,077,989

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		Doanh thu hoạt động tài chính		Chi phí tài chính		Trong đó: Chi phí lãi vay	
		Mã số 20		Mã số 21		Mã số 22		Mã số 23	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	2,474,564	2,771,092	4,099,076	4,448,796	(1,026,341)	218,682	113,961	112,682
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	64,504	70,017	120,806	113,490	781	3,546	639	1,288
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	89,116	207,435	356,872	164,755	53,422	10,534	-	5,147
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	300,354	193,900	93,592	79,390	13,627	38,042	23,738	13,686
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	992,910	892,448	76,854	77,740	56,052	39,536	56,045	39,482
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	334,405	527,181	64,817	105,886	5,200	28,725	36,658	20,595
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	130,065	149,847	57,408	31,683	11,712	21,266	14,610	17,032
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	161,154	124,188	71,080	78,796	11,232	9,271	5,450	6,244
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	51,459	50,347	27,135	27,350	7,784	13,421	7,266	9,229
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	285,677	292,837	2,281,797	2,318,689	17,147	(20,060)	7,511	7,286
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	687,412	708,437	683,752	512,122	1,652	5,655	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	76,082	72,265	176,269	198,531	47,341	11,341	9,924	14,568
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	14,015	20,085	12,630	15,698	1,446	1,062	-	195
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	11,338	9,825	32,630	24,345	(319)	2,287		
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	112,117	181,216	41,225	305,778	(13,030)	53,605	180	4,368
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	6,927	13,206	45,564	401,882	(1,214,109)	(7,661)	1,875	388
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	149,939	150,306	33,499	70,401	29,773	47,648	6,110	12,656
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	-	-	767,005	685,761	151,461	228,785	122,207	129,995
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	932,686	935,948	88,022	125,891	27,694	20,779	18,327	17,823
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	32,557	29,511	-	-	-	-	-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	12,260	20,994	-	-	-	-	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	37,529	44,954	22,365	29,836	8,151	997		
21	Công ty TNHH MTV 27-7	15,231	14,052	7	13	1,908	2,905	1,908	2,905
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	1,507	1,701	270	261	788	1,042	749	1,012
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	(386)	(1,872)	38	29	1,775	1,831	1,381	1,203

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		Doanh thu hoạt động tài chính		Chi phí tài chính		Trong đó: Chi phí lãi vay	
		Mã số 20		Mã số 21		Mã số 22		Mã số 23	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	25,506	21,545	3,191	2,164	1,223	1,115	1,223	1,115
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	18,634	17,604	164	246	-	-	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	105,780	110,664	17,573	24,447	-	252	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	48,203	44,557	9,810	11,310	-	-	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	142,116	84,416	283	616	-	-	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	15,237	32,443	1,357	465	2,293	2,874	2,293	2,874
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	23,806	23,896	1,717	1,940	-	-	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	(29,950)	13,090	183	194	56	127	-	66
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	34,499	34,968	3,887	7,935	137	-	115	-
33	Cty TNHH MTV Thóat nước Đô thị	71,598	85,583	3,583	14,821	-	-	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	20,746	22,284	2,739	1,312	-	-	-	-
35	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	20,117	22,702	1,620	2,671	(73)	196	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	14,870	21,449	613	881	-	-	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	13,485	13,456	3,578	3,518	952	486	199	226
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	31,250	22,312	275	191	2,958	-	2,958	-
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	14,543	11,174	2,888	6,447	-	-	-	-
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	11,644	13,266	93	75	136	134	136	134
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	19,737	19,772	834	1,079	692	686	692	686
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	10,922	10,630	38	83	-	-	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	9,473	10,868	9	33	149	21	149	21
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	18,991	11,148	5,003	5,911	0	0.5	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	8,468	11,545	2,784	4,950	-	-	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	19,008	14,505	214	185	789	171	789	171
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	10,886	12,119	72	84	55	-	55	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	15,366	14,037	1,503	1,865	314	317	314	
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	15,075	12,096	44	34	1,382	1,024	1,381	1,008
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	13,086	5,891	143	319	-	-	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	9,487	17,443	438	278	-	-	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	101,405	91,144	706	1,698	4,009	6,600	3,985	6,402

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Chi phí bán hàng		Chi phí quản lý doanh nghiệp		**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}**		Thu nhập khác	
		Mã số 24		Mã số 25		**Mã số 30**		Mã số 31	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	645,960	548,631	1,575,308	1,500,286	5,378,713	4,952,289	358,026	371,071
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	7,961	11,731	67,067	71,783	109,501	96,447	15,806	13,022
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	100	-	32,409	28,812	360,057	332,844	8,221	5,893
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	100,077	75,474	125,542	93,213	154,700	66,561	40,675	44,485
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	754,224	665,241	152,168	138,561	107,320	126,850	215,993	178,225
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	6,652	5,604	167,942	204,932	219,428	393,806	26,973	26,144
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	36,911	35,593	68,041	64,014	70,809	60,657	12,920	23,570
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	29,653	34,801	93,151	73,156	98,198	85,756	5,844	78,053
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	17,888	16,901	32,113	32,128	20,809	15,247	9,278	11,650
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	203,768	130,628	339,608	382,028	2,006,951	2,118,930	51,083	39,229
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	68,807	71,919	360,579	220,917	940,126	922,068	72,554	84,756
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	306	689	42,747	63,324	161,957	195,442	4,518	7,433
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	3,906	4,061	34,951	21,717	(13,658)	8,943	65,012	19,809
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	5,399	3,884	23,968	17,336	14,920	10,663	4,889	5,474
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	35,864	30,568	69,040	131,758	61,468	271,063	29,331	2,196
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	7,631	854	94,910	56,200	1,164,059	365,695	290	685
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	121,037	125,924	23,240	38,968	9,388	8,167	10,632	8,672
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM			104,277	70,045	511,267	386,931	55,102	85,509
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	11,110	15,941	605,170	607,046	376,733	418,073	53,760	76,646
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	-	-	16,911	13,778	15,646	15,733	43	
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	6,487	8,352	5,773	12,642	12	
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	48	37,077	36,275	14,666	37,470	2,587	2,707
21	Công ty TNHH MTV 27-7	4,554	2,721	5,684	3,288	3,092	5,151	5,599	1,650
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	257		19,707	16,941	(18,975)	(16,021)	1,466	8,067
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	1,057	875	4,202	3,188	(7,382)	(7,737)	9	241

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Chi phí bán hàng		Chi phí quản lý doanh nghiệp		**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}**		Thu nhập khác	
		Mã số 24		Mã số 25		**Mã số 30**		Mã số 31	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**	Số cuối năm	Số đầu năm
24	**Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung**	2,607	2,240	5,473	5,080	19,394	15,274	457	2,602
25	**Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao**	-	-	8,492	7,614	10,306	10,236	12,667	13,102
26	**Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài**	-	-	88,730	92,184	34,623	42,675	6,152	22,906
27	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2**	-	-	23,138	19,280	34,875	36,587	1,214	2,459
28	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4**	-	-	43,663	23,603	98,736	61,429	3,198	12,268
29	**Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5**	333	7,238	12,236	12,207	1,732	10,589	6,229	221
30	**Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận**	-	-	7,765	7,475	17,758	18,361	895	-
31	**Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn**	-	-	12,947	9,919	(42,770)	3,238	703	544
32	**Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh**	-	-	33,739	41,646	4,510	1,257	939	4
33	**Cty TNHH MTV Thóat nước Đô thị**	-	-	52,672	64,169	22,509	36,235	142	5
34	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1**	-	-	16,365	15,114	7,120	8,482	733	335
35	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3**	-	-	15,575	17,932	6,235	7,245	199	417
36	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6**	-	-	6,743	11,747	8,740	10,583	129	118
37	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7**	-	-	7,525	8,053	8,586	8,435	225	33
38	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8**	-	-	18,658	12,796	9,909	9,707	189	2,991
39	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10**	12	112	10,013	9,924	7,406	7,585	559	296
40	**Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè**	-	-	9,609	10,530	1,992	2,677	851	90
41	**Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp**			10,775	10,846	9,104	9,319	2,192	745
42	**Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh**	-	-	6,472	5,702	4,488	5,011	891	-
43	**Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn**	-	-	6,458	7,401	2,875	3,479	773	4
44	**Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình**	-	-	10,296	10,905	13,698	6,154	247	181
45	**Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11**	-	-	6,536	7,876	4,716	8,619	113	165
46	**Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12**	2	22	10,801	9,561	7,630	4,936	1,248	26
47	**Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức**	-	-	6,949	6,862	3,954	5,341	707	102
48	**Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh**	-	-	9,579	10,582	6,976	5,003	160	73
49	**Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9**	-	-	11,191	8,510	2,546	2,596	1	110
50	**Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ**	2,288	2,685	5,894	6,027	5,047	(2,502)	92	2,673
51	**Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi**	-	-	1,980	6,987	7,944	10,734	45	9
52	**Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị**	-	-	54,828	64,692	43,274	21,550	2,094	1,502

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Chi phí khác		Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		Chi phí thuế TNDN hiện hành	
		Mã số 32		Mã số 40		Mã số 50		Mã số 51	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	134,676	152,356	223,350	218,715	5,602,063	5,171,004	282,686	523,914
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	4,538	1,814	11,268	11,208	120,769	107,655	3,858	5,920
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	1,664	2,846	6,557	3,047	366,614	335,891	21,213	43,847
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	6,721	35,402	33,954	9,083	188,654	75,644	24,697	1,859
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	127,435	105,453	88,558	72,772	195,878	199,622	35,893	36,510
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	13,029	9,649	13,944	16,495	233,372	410,301	51,920	96,656
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	466	8,710	12,454	14,860	83,263	75,517	7,089	18,248
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	10,396	51,504	(4,552)	26,549	93,646	112,305	12,078	18,881
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	2,473	1,093	6,805	10,557	27,614	25,804	2,101	3,217
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	21,703	2,448	29,380	36,781	2,036,331	2,155,711	35,687	97,660
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	7,323	3,686	65,231	81,070	1,005,357	1,003,138	103,925	158,546
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	21,326	3,304	(16,808)	4,129	145,149	199,571	5,505	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	39,942	21,111	25,070	(1,302)	11,412	7,641	2,795	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	688	486	4,201	4,988	19,121	15,651	-	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	762	3,727	28,569	(1,531)	90,037	269,532	10,855	78,661
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	2,950	2,530	(2,660)	(1,845)	1,161,399	363,850	963	419
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	695	4,046	9,937	4,626	19,325	12,793	-	-
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	110	1,052	54,992	84,457	566,259	471,388	67,394	64,855
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	40,674	57,456	13,086	19,190	389,819	437,264	101,124	112,555
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	649	4,608	(606)	(4,608)	15,040	11,125	3,156	2,825
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa			12	-	5,785	12,642	1,273	3,160
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	1,222	12,535	1,365	(9,828)	16,031	27,642	-	6,909
21	Công ty TNHH MTV 27-7	3,717	2,152	1,882	-502	4,974	4,649	1,097	352
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	165	530	1,301	7,537	(17,674)	(8,484)	519	665
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	173	191	(164)	50	(7,546)	(7,687)		

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Chi phí khác		Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		Chi phí thuế TNDN hiện hành	
		Mã số 32		Mã số 40		Mã số 50		Mã số 51	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	80	45	377	2,557	19,771	17,831	4,353	4,917
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	11,278	13,013	1,389	89	11,695	10,325	2,573	2,581
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	2,737	3,103	3,415	19,803	38,038	62,478	11,003	17,934
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	702	450	512	2,009	35,387	38,596	6,401	9,649
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	7,418	3,016	(4,220)	9,252	94,516	70,681	22,207	17,670
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	777	7,302	5,452	(7,081)	7,184	3,508	1,580	889
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	280	-	615	-	18,373	18,361	4,098	4,590
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	252	524	451	20	(42,319)	3,258	-	6,743
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	1,574	691	(635)	(687)	3,875	570	1,199	165
33	Cty TNHH MTV Thóat nước Đô thị	2,383	5,594	(2,241)	(5,589)	20,268	30,646	4,459	1,809
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	174	114	559	221	7,679	8,703	1,689	2,175
35	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	26	0.897	173	416	6,408	7,661	1,410	1,853
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	1	6	128	112	8,868	10,695	1,951	2,674
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	207	99	18	(66)	8,604	8,369	1,893	2,092
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	227	18	(38)	2,973	9,871	12,680	3,730	3,874
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	11	352	548	(56)	7,954	7,529	1,521	1,093
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	26	-	825	90	2,817	2,767	620	692
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	1,793	569	399	176	9,503	9,495	2,084	2,374
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	70	5	821	(5)	5,309	5,006	1,204	1,257
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn		2	773	2	3,648	3,481	802	870
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	69	94	178	87	13,876	6,241	3,135	469
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	1,068	13	(955)	152	3,761	8,771	1,062	2,209
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	1,048	77	200	(51)	7,830	4,885	1,826	1,241
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	1,271	700	(564)	(598)	3,390	4,743	842	1,361
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	35	231	124	(158)	7,100	4,845	1,531	1,211
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	99	413	(98)	(303)	2,448	2,293	632	1,561
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	26	24	66	2,649	5,113	147	1,265	37
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	24	25	21	(16)	7,965	10,718	1,997	1,861
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	1,092	959	1,002	543	44,276	22,093	8,012	2,793

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 - 52)		Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	
		Mã số 52		Mã số 60		Mã số 70	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. KHỐI TỔNG CÔNG TY	995	2,457	5,318,382	4,644,633	-	-
1	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	116,911	101,735	-	-
2	TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN-TNHH MTV	767	(373)	344,634	292,417	-	-
3	TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SG-TNHH MTV	-	-	163,957	73,785	-	-
4	TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SG-TNHH MTV	-	9	159,985	163,103	-	-
5	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	181,452	313,645	-	-
6	TỔNG CÔNG TY LIKSIN-TNHH MTV	-	-	76,174	57,269	-	-
7	TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN-TNHH MTV	775	(1,515)	80,793	94,939	-	-
8	TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN-TNHH MTV	-	-	25,513	22,587	-	-
9	TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN-TNHH MTV	223	(156)	2,000,421	2,058,207	-	-
10	TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN-TNHH MTV	(778)	4,509	902,210	840,083	-	-
11	TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH MTV	-	-	139,644	199,571	-	-
12	CÔNG TY TNHH MTV DỆT MAY GIA ĐỊNH	-	-	8,617	7,641	-	-
13	CÔNG TY TNHH MTV XNK VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN	-	-	19,121	15,651	-	-
14	CÔNG TY TNHH MTV VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SÀI GÒN	-	-	79,182	190,871	-	-
15	CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN CN TÂN THUẬN	8	(8)	1,160,428	363,439	-	-
16	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC SÀI GÒN	-	-	19,325	12,793	-	-
17	CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TP.HCM	-	-	498,865	406,533	-	-
	B. DOANH NGHIỆP ĐỘC LẬP	-	-	288,695	324,709	-	-
18	Quỹ phát triển nhà ở TP	-	-	11,884	8,300	-	-
19	Quỹ bảo lãnh tín dụng DN nhỏ và vừa	-	-	4,512	9,482	-	-
20	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	-	-	16,031	20,733	-	-
21	Công ty TNHH MTV 27-7	-	-	3,877	4,297	-	-
22	Công ty TNHH MTV QL KT DV Thủy lợi	126	-	(18,319)	(9,149)	-	-
23	Công ty CBTPXK Hùng Vương	-	-	(7,546)	(7,687)	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.

STT	TÊN DOANH NGHIỆP	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 - 52)		Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	
		Mã số 52		Mã số 60		Mã số 70	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
24	Công ty TNHH MTV PT CV phần mềm Quang Trung	-	-	15,418	12,914	-	-
25	Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao	-	-	9,122	7,744	-	-
26	Cty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài	-	-	27,035	44,544	-	-
27	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 2	-	-	28,986	28,947	-	-
28	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 4	-	-	72,309	53,011	-	-
29	Công ty TNHH MTV DV công ích Quận 5	-	-	5,604	2,619	-	-
30	Cty TNHH MTV DV công ích Phú Nhuận	-	-	14,275	13,771	-	-
31	Công ty TNHH MTV Thảo cầm viên Sài Gòn	-	-	(42,319)	(3,485)	-	-
32	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	-	-	2,676	405	-	-
33	Cty TNHH MTV Thóat nước Đô thị	-	-	15,809	28,837	-	-
34	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 1	-	(23)	5,990	6,551	-	-
35	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 3	-	-	4,998	5,808	-	-
36	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 6	-	-	6,917	8,021	-	-
37	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 7	-	-	6,711	6,277	-	-
38	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 8	-	-	6,141	8,806	-	-
39	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 10	-	-	6,433	6,436	-	-
40	Cty TNHH MTV DV công ích Nhà Bè	-	-	2,197	2,075	-	-
41	Công ty TNHH MTV DV công ích Gò Vấp	-	-	7,419	7,121	-	-
42	Cty TNHH MTV DV Công ích Bình Chánh	-	-	4,105	3,749	-	-
43	Cty TNHH MTV DV công ích Hóc Môn	-	-	2,846	2,611	-	-
44	Cty TNHH MTV DV công ích Tân Bình	(553)	553	11,294	5,219	-	-
45	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 11	-	-	2,699	6,562	-	-
46	Cty TNHH MTV DV Công ích Quận 12	-	-	6,004	3,644	-	-
47	Cty TNHH MTV DV công ích Thủ Đức	-	-	2,548	3,382	-	-
48	Cty TNHH MTV DV công ích Bình Thạnh	-	-	5,569	3,634	-	-
49	Cty TNHH MTV DV công ích Quận 9	-	(768)	1,816	1,500	-	-
50	Cty TNHH MTV DV công ích Cần Giờ	(135)	-	3,983	110	-	-
51	Cty TNHH MTV DV công ích Củ Chi	-	-	5,968	8,857	-	-
52	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	-	-	36,264	19,300	-	-

Lưu ý: Công ty TNHH MTV 27/7, Công ty Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Hùng Vương, Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị chưa thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014.